

Số: /QĐ-UBND

Ninh Sơn, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nối,  
huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng*

về việc *Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

*Căn cứ Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt bộ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới theo các mức độ (Đạt chuẩn, Nâng cao, Kiểu mẫu) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 4174/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định 263/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 765a/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Ban về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới, xã Ma Nời, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nời, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện Ninh Sơn về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Ninh Sơn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Công văn số 1877/SXD-QLQHKT&NO ngày 14/6/2023 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn nội dung vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 02/01/2024 của Hội đồng nhân dân xã Ma Nời về việc thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nời, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.*

*Căn cứ Thông báo số 963/TB-VPUB ngày 12/6/2024 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện về Kết luận của đồng chí Kiều Tấn Thịnh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp góp ý nội dung Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nời.*

*Căn cứ Văn bản số 2693/SXD-QLQHKT&NO ngày 07/8/2024 của Sở Xây dựng về việc ý kiến Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nời, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.*

*Căn cứ Thông báo số 1027-TB/HU ngày 14/11/2024 của Huyện ủy Ninh Sơn về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy họp ngày 15/10/2024.*

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ma Nới tại Tờ trình số 367/TTr-UBND ngày 28/11/2024 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Báo cáo thẩm định số 215/BC-KTHT ngày 02/12/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Sơn về việc Thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Địa điểm lập quy hoạch:** xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn.

**4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Trung tâm Quy hoạch Kiểm định Chất lượng Xây dựng Ninh Thuận.

**5. Nguồn vốn thực hiện:** Ngân sách nhà nước.

**6. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn. Tổng diện tích tự nhiên 25.480,27 ha, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông : giáp xã Phước Hà, huyện Thuận Nam.
- Phía Tây : giáp huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Nam : giáp huyện Thuận Nam và tỉnh Bình Thuận.
- Phía Bắc : giáp xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn.

**7. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:**

*7.1. Quan điểm*

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Phù hợp với đặc điểm địa hình, địa chất, thủy văn của khu vực.
- Phù hợp với việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật với các khu vực xung quanh.
- Phát triển xã theo hướng hiện đại mang bản sắc địa phương.

- Từng bước xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng bền vững phù hợp cho hiện tại và tương lai.

### *7.2. Mục tiêu*

- Cụ thể hóa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Ninh Sơn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng định hướng phát triển không gian trên địa bàn xã đến năm 2030 định hướng đến năm 2035. Mục đích nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị. Đồng thời phải phù hợp với đặc điểm, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong khu vực và các tiêu chí về nông thôn mới. Bên cạnh đó, phải đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc cùng với việc bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên.

- Hình thành thiết chế trong việc xây dựng phát triển xã trên cơ sở có sự tham gia của người dân để đảm bảo tính khả thi, tính bền vững trong xây dựng xã nông thôn mới.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng, cho việc hướng dẫn, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã, đảm bảo xã Ma Nời phát triển hòa nhập và kết nối với các khu vực lân cận.

### *7.3. Tính chất, chức năng của xã*

- Là xã nông thôn mới của huyện Ninh Sơn; là vùng phát triển kinh tế động lực của vùng huyện Ninh Sơn, thuộc tiểu vùng kinh tế Tây Nam của huyện.

- Là cửa ngõ phía Tây của huyện Ninh Sơn, khu vực liên kết, kết nối với huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; huyện Thuận Nam và tỉnh Bình Thuận theo tuyến tỉnh lộ 709 và đường Tân Sơn - Tà Năng.

- Là xã có tiềm năng phát triển thương mại dịch vụ, du lịch văn hóa Raglai, du lịch sinh thái rừng.

## **8. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật chủ yếu**

### *8.1. Quy mô dân số, lao động*

#### *a) Dự báo quy mô dân số:*

- Dân số hiện trạng năm 2023: 5.191 người/1.323 hộ.

- Dự báo Quy mô dân số đến năm 2030 : 5.677 người/1.445 hộ.

- Dự báo Quy mô dân số đến năm 2035: 5.967 người/ 1.517 hộ.

*b) Dự báo quy mô lao động:*

- Dự báo số người trong độ tuổi lao động đến năm 2030 khoảng 3.355 người, chiếm 59,10% dân số toàn xã.

- Dự báo số người trong độ tuổi lao động đến năm 2035 khoảng 3.753 người, chiếm 62,90% dân số toàn xã.

*c) Dự báo động lực phát triển kinh tế:*

Tập trung khai thác có hiệu quả các lợi thế sẵn có. Loại hình kinh tế chủ đạo của xã là nông lâm kết hợp; chăn nuôi; tiểu thủ công nghiệp; sản xuất nông nghiệp kết hợp dịch vụ du lịch.

*8.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu*

*a) Về sử dụng đất:*

- Đất xây dựng công trình nhà ở:  $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$ .
- Đất xây dựng công trình, dịch vụ:  $\geq 5,0\text{m}^2/\text{người}$ .
- Đất cho giao thông và Hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5,0\text{m}^2/\text{người}$ .
- Cây xanh công cộng:  $2,0\text{m}^2/\text{người}$ .

*b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:*

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường 0,8 kg.
- Chỉ tiêu cấp nước  $\geq 60$  lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước bản  $\geq 80\%$  lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện 150W/người/ngày đêm.

*c) Các nội dung khác:*

Theo thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch Xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế

**9. Định hướng chức năng, định hướng tổ chức không gian xã:** Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã Ma Nới như sau:

*9.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã:*

Khu trung tâm xã: giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, trung tâm xã tập trung tại thôn Ú. Tổ chức không gian khu trung tâm xã Ma Nới với các phân khu sau:

- Trung tâm xã: bao gồm khu vực tập trung các công trình công cộng cấp xã như: trụ sở UBND- HĐND xã, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở, chợ, đài tưởng niệm, bưu điện, sân vận động, nằm trên trục đường chính quan trọng của xã là tỉnh lộ 709.

- Khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp sản xuất: Bao gồm khu ở hiện hữu chỉnh trang và khu sản xuất (nông nghiệp, phi nông nghiệp).

- Khu dân cư mở rộng kết hợp sản xuất: Bao gồm khu ở mở rộng và khu sản xuất (nông nghiệp, phi nông nghiệp).

- Công trình được bố trí thuận tiện với tuyến đường giao thông chính, khoảng cách đến các khu dân cư trong bán kính đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của người dân trong khu vực.

## 9.2 Định hướng tổ chức khu ở:

### 9.2.1. Đối với khu vực ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang:

- Các khu dân cư hiện hữu của xã Ma Nới nằm trên địa bàn các thôn Do, Ú, Hà Dài, Gia Rót, Tà Nôi và Gia Hoa. Trong đó, thôn Gia Hoa và xóm Tà Lâm thuộc thôn Ú nằm trên địa phận của tỉnh Lâm Đồng.

- Với khu ở hiện hữu tập trung cải tạo chỉnh trang các cụm dân cư hiện hữu, đặc biệt nâng cấp các tuyến đường giao thông chính trong thôn, huy động các nguồn lực để bổ sung đường điện chiếu sáng, cấp nước và vệ sinh môi trường, cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt các thôn, xóm.

### 9.2.2. Định hướng quy hoạch phát triển khu dân cư mới

Hệ thống khu dân cư trên địa bàn xã đến năm 2035 dân số khoảng 5.967 người tăng khoảng 776 người. Khu dân cư nông thôn xã Ma Nới dự kiến bao gồm 01 khu dân cư khu vực trung tâm xã và 06 khu dân cư nằm trên địa bàn các thôn Do, Ú, Hà Dài, Gia Rót, Tà Nôi và Gia Hoa. Trong đó, thôn Gia Hoa và xóm Tà Lâm thuộc thôn Ú nằm trên địa phận của tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra còn có các điểm dân cư nông thôn thuộc Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) đã phê duyệt và dự kiến lập quy hoạch gồm:

+ Điểm dân cư mới xã Ma Nới: nằm trên địa bàn thôn Hà Dài, quy mô 5,0 ha (thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới xã Ma Nới đã được phê duyệt).

+ Điểm dân cư dự kiến nằm trên địa bàn thôn Do, quy mô 5,6 ha (thuộc danh mục dự kiến lập Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới xã Ma Nới).

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Do, quy mô 2,68 ha.

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Ú, quy mô 2,87 ha.

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Hà Dài, quy mô 3,58 ha.

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Gia Rót, quy mô 4,20 ha.

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Tà Nôi, quy mô 4,10 ha.

Các điểm dân cư trong xã kết nối với nhau thông qua các tuyến đường trục tỉnh lộ 709, trục liên thôn hiện hữu và đường xây dựng mới, đảm bảo nhu cầu đi lại, hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân trong xã.

\* Tổ chức không gian khu dân cư mới và cải tạo: theo hướng chỉnh trang mở rộng các công trình công cộng hiện hữu. đồng thời, bổ sung các điểm công trình công cộng để đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ theo quy định.

\* Tổ chức không gian trung tâm: khu vực trung tâm xã được bố trí ngay tại vị trí tập trung các công trình công cộng cấp xã: trụ sở cơ quan, ủy ban nhân dân xã, trường học, bưu điện, trạm xá... đáp ứng nhu cầu quản lý và ổn định khu vực. khu vực được bố trí thuận tiện với các tuyến đường giao thông chính, khoảng cách đến các khu dân cư không quá xa đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân trong khu vực.

## **10. Định hướng xây dựng các công trình hạ tầng xã hội**

Trong những năm qua, xã Ma Nới đã phát triển tương đối đầy đủ các hạng mục công trình công cộng đáp ứng nhu cầu phát triển phục vụ cho nhu cầu cấp xã và thôn theo Quy hoạch nông thôn mới xã đã được phê duyệt cũng như việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, cần tiếp tục nâng cấp và xây mới các công trình hạ tầng để đảm bảo cơ sở vật chất cho giai đoạn tiếp theo.

*(Định hướng xây dựng các công trình hạ tầng xã hội thể hiện cụ thể trong thuyết minh đồ án)*

## **11. Quy hoạch sản xuất**

### *11.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp*

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiệu quả, từng bước bền vững và hiện đại, đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh sản xuất hàng hoá có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và hướng phát triển của huyện. Tiếp tục phát triển ổn định các loại cây trồng, vật nuôi; xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi phù hợp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển các dự án liên kết theo chuỗi giá trị nâng cao thu nhập cho người dân

+ *Trồng trọt*: Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cây trồng; tích cực chuyển đổi các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng và có thị trường tiêu thụ. Xây dựng hệ thống canh tác phù hợp, luân canh trên diện tích đất lúa với các loại cây trồng



khác như bắp lai, đậu xanh và các loại cây hàng năm khác; tăng cường đầu tư thâm canh nhằm nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích, chấm dứt hẳn tình trạng quảng canh của người dân. Phát triển cây điều, dứa mật,... để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với chế biến, liên kết tiêu thụ nhằm tăng giá trị sản phẩm, đây là cơ hội để xã Ma Nởi phát triển các vùng trồng nguyên liệu và phát triển nông nghiệp của địa phương.

+ Về chăn nuôi: Tập trung phát triển ngành chăn nuôi và xác định đây là ngành chủ lực trong sản xuất nông nghiệp của địa phương. Chú trọng nâng cao chất lượng đàn gia súc, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát triển chăn nuôi gia súc tập trung, chăn nuôi quy mô hộ gia đình và quy mô trang trại vừa và nhỏ, chú trọng các con nuôi có giá trị cao, phù hợp với điều kiện của địa phương như: bò, heo đen, dê núi...

Tiếp tục củng cố mạng lưới thú y, tăng cường công tác kiểm tra tình hình dịch bệnh, tiến hành tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại, tiêm vaccin phòng chống các dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

Có chính sách khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã, kinh tế nông hộ và các cơ sở, doanh nghiệp chăn nuôi đầu tư trên địa bàn xã. Tổ chức các câu lạc bộ khuyến nông, khuyến lâm theo mô hình mới để đáp ứng nhu cầu học tập và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi; kêu gọi nhà đầu tư, doanh nghiệp mở cây xăng vừa và nhỏ tại xã để đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân...

- Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

+ Khu vực đất nông nghiệp dọc tuyến đường Tân Sơn - Tà Năng (ĐT709D), đoạn qua thôn Tà Nôi phát triển du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp (phát triển cây ăn quả).

+ Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung cây bắp luân canh với cây họ đậu thôn Hà Dài (40 ha), xứ đồng Tà Sao (70 ha) và phát triển 01 vùng trồng cây ăn quả tại khu vực núi Quýt xã Ma Nởi với diện tích 50 ha.

+ Phát triển hợp tác xã vườn ươm tại các vị trí đường 709 đoạn qua thôn Do, quy mô 0,5 ha; đường Tân Sơn - Tà Năng (ĐT709D) đoạn qua thôn Tà Nôi, quy mô 2,0 ha.

+ Đối với các khu vực đồi núi dốc đề xuất trồng điều để phủ xanh đất trống đồi trọc kết hợp chăn nuôi dưới tán điều.

### *11.2. Quy hoạch sản xuất lâm nghiệp*

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả chính sách khoán quản bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, tạo điều kiện cho các hộ nghèo, cận nghèo tham gia bảo vệ, phát triển rừng để người dân có thể sống, làm giàu từ trồng, chăm sóc, bảo vệ

rừng. Bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn. Nâng độ cao che phủ rừng.

- Tranh thủ các dự án đầu tư trên địa bàn xã để triển khai nhân rộng một số mô hình sản xuất nông lâm nghiệp có hiệu quả cao, tăng cường chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, vận động Nhân dân tham gia các lớp hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt do huyện tổ chức nhằm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với an ninh quốc phòng, hình thành các làng lâm nghiệp ổn định ở vùng xung yếu.

- Vùng trồng rừng (lâm nghiệp): gồm toàn bộ diện tích đất rừng hiện có trên địa bàn xã (bao gồm cả rừng phòng hộ và rừng sản xuất).

### *11.3. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn*

Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, để nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế; lao động nông nghiệp - nông thôn trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương.

Phát triển các loại hình kinh doanh chính trong các khu dân cư như: Chế biến thực phẩm, sửa chữa nông cụ, sửa chữa xe máy, xay xát, mộc dân dụng, gò hàn, gia công cửa sắt...

Bên cạnh khuyến khích các loại hình tiểu thủ công nghiệp phát triển cần tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực bằng việc cử lao động đi đào tạo tại các trung tâm dạy nghề của tỉnh và của huyện; phối hợp với các cơ quan chức năng mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại trung tâm học tập cộng đồng của xã để đào tạo lao động của địa phương và các xã lân cận.

### *11.4. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ*

- Đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ ở khu trung tâm xã. Nâng cao chất lượng phục vụ của các quán, hàng hóa trên địa bàn xã. Khuyến khích và tạo điều kiện để cho các hộ kinh doanh, buôn bán để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, nông sản, thực phẩm, đảm bảo hàng hóa được lưu thông tốt từ xã đến huyện và thị trường trong tỉnh.

- Xây dựng chợ trung tâm xã để đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi lưu thông hàng hóa; phát triển các ngành nghề, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như sơ chế biến các loại nông sản thu hoạch, dịch vụ ăn uống, vật liệu xây dựng, nội thất, xăng dầu.

- Thành lập hợp tác xã điều OCOP, các đầu mối chuyên cung cấp và thu mua các loại vật tư, nông sản nông nghiệp và thực phẩm chăn nuôi. Xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã.

- Khuyến khích các hộ dân bám 02 bên trục tỉnh lộ 709, dọc đường Tân Sơn - Tà Năng (ĐT 709D) đoạn đi qua thôn Ú - Gia Rót và đoạn đi qua thôn Tà Nôi, phát triển kinh doanh, dịch vụ, thương mại.

- Bố trí quỹ đất phát triển thương mại dịch vụ dọc 02 bên tuyến đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, hình thành các khu dịch vụ dọc tuyến Quốc lộ như điểm dừng chân, khu trưng bày... đây là các yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của xã Ma Nới và cũng là tiền đề, động lực để khai thác, định hướng, phát triển cho quy hoạch chung của xã Ma Nới, hướng đến mục tiêu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nơi đây.

- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa:

+ Bảo tồn phát triển các nghề thủ công truyền thống như làm đàn chapi, Mĩla. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của tộc Raglai, tôn tạo nâng cấp di tích căn cứ cách mạng Anh Dũng (Ma Nới), các lễ hội dân gian, phong phú, đậm chất nhân văn, như: Lễ bỏ mả, lễ hội ăn mừng lúa mới..., đưa vào phục vụ khách du lịch tạo thành sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, hướng tới phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm địa phương.

+ Khai thác hiệu quả, gìn giữ bảo tồn các điều kiện tự nhiên đồi núi và hệ sinh thái tự nhiên, phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo trên địa bàn thu hút du khách. Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, đặc biệt là văn hóa người Raglay, kết hợp với tham quan trải nghiệm thiên nhiên, cảnh rừng đẹp, thác, suối, phát triển du lịch thác Liên Xô.

## **12. Định hướng hạ tầng kỹ thuật**

### *12.1. Quy hoạch giao thông*

- Tuyến tỉnh lộ 709: Tiếp tục nâng cấp cải tạo và bố trí các hạng mục tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2030.

- Đầu tư xây dựng tuyến giao thông liên vùng phía Nam - Phước Hà (theo quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng chính phủ).

- Đầu tư xây dựng mới 02 tuyến đường phục vụ du lịch sinh thái rừng:

+ Tuyến Hòa Sơn - Tà Nôi - Rừng Mưa (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn).

+ Tuyến Hòa Sơn - Tà Nôi - Thác Liên Xô (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn).

- *Đường thôn và đường liên thôn*: tiếp tục nâng cấp, bảo trì thường xuyên, bố trí các hạng mục cần thiết, như đèn chiếu sáng, biển chỉ dẫn, cây xanh và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- *Đường ngõ, xóm*: có tổng chiều dài 10,37 km, trong đó đã được cứng hóa, đảm bảo sạch, không lầy lội vào mùa mưa là 9,17 km, đạt tỷ lệ 88,43%.

Cứng hoá 1,20 km đường ngõ xóm còn lại, đảm bảo 100% trục đường được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa. Đồng thời nâng cấp, bảo dưỡng định kỳ hàng năm.

- Bố trí các bãi đậu xe, kết hợp quay đầu xe trên các tuyến nội đồng. Xây dựng các cầu dự kiến đến các vùng sản xuất, các điểm trung chuyển tập kết sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch trước khi vận chuyển về nơi chế biến.

### *12.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng*

#### *- Nền xây dựng*

+ Đối với khu dân cư hiện hữu, giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng. Khi tiến hành cải tạo, xây dựng mới chỉ san nền cục bộ khi hình thành các tuyến giao thông nội bộ, tạo độ dốc hợp lý để giao thông thuận tiện và không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của khu vực xung quanh.

+ Khu vực xây mới: Đối với các khu vực dự kiến xây dựng mới cần lưu ý san nền phù hợp với địa hình tự nhiên, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên. Cao độ nền công trình cần cao hơn cao độ của đường từ 0,3 - 0,5m.

#### *- Thoát nước mặt:*

+ Sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Lưu vực và hướng thoát nước: Dựa trên nghiên cứu địa hình tự nhiên và hiện trạng thoát nước hiện nay, lưu vực thoát nước chính chạy dọc tuyến tỉnh lộ 709, các phụ lưu theo địa bàn từng thôn và địa hình cụ thể các thôn xóm lấy các trục đường là các đường phân lưu phụ, thoát ra các ao, hồ, mương, suối hiện hữu.

+ Xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mặt cho toàn bộ các điểm dân cư nông thôn. Dọc theo các tuyến đường có mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường khi trời mưa, đảm bảo thoát nước thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống mương khi đi qua khu dân cư phải có nắp đan để đảm bảo an toàn.

### *12.3. Quy hoạch cấp nước*

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 100 lít/người/ngđ

- Tổng nhu cầu dùng nước xã Ma Nối đến năm 2030 là 804,0 m<sup>3</sup>/ngđ; đến năm 2035 khoảng 845,0 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Tiếp tục sử dụng nước sạch hợp vệ sinh từ trạm cấp nước tập trung Ma Nối, Tà Nôi và Gia Hoa do Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường quản lý.

- Hoàn thiện hệ thống hệ thống cấp nước trong các khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo 100% số dân trong xã được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy định.

#### *12.4. Quy hoạch cấp điện*

- Xã Ma Nối hiện đang được cấp điện từ lưới điện Quốc gia thông qua trạm 110/22kV Ninh Sơn. Trực tiếp cấp điện cho xã là từ tuyến 22kV Ninh Sơn - Ma Nối.

- Đường dây hạ áp 0,4KV, lấy điện từ các trạm biến áp về cấp cho các hộ gia đình. Các tuyến hạ thế được đi trên trụ bê tông ly tâm hoặc đi chung với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp), dây dẫn là loại cáp đồng CV hoặc cáp nhôm AV.

- Hoàn thiện hệ thống hệ thống cấp điện trong các khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

#### *12.5. Quy hoạch thoát nước, rác thải, nghĩa trang*

##### *a) Quy hoạch thoát nước thải đến năm 2035:*

- Lưu lượng thoát nước thải: 676,0 m<sup>3</sup>/ng.đ  
 - Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước chung, có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng: Phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

- Hoàn thiện hệ thống hệ thống thoát nước trong các khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

##### *b) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn đến năm 2035:*

- Giai đoạn 2023 - 2035: 0,8 kg/người.ngày.đêm, tỷ lệ thu gom 100%.

- Tổng khối lượng chất thải rắn: 4,77 tấn/ng.đ

+ Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng cho chăn nuôi gia súc, hoặc ủ phân phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. CTR vô cơ sẽ chuyển về các điểm tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR tập trung của xã.

+ Xây dựng các bể chứa rác nhỏ trong các khu dân cư để người dân tập kết rác thải.

+ Thành lập tổ tự quản về thu gom rác thải sinh hoạt; kinh phí hoạt động thu từ đóng góp của các hộ gia đình trung bình từ 1- 2 ngày thành viên của tổ tự

quản xuống các điểm dân cư thu gom rác theo các địa điểm đã quy định, dùng xe chuyên dụng đưa ra bãi tập kết và xử lý rác thải của xã.

### *c) Quy hoạch nghĩa trang*

- Toàn xã hiện có 5,0 ha đất nghĩa trang. Khoanh vùng các khu vực nghĩa trang hiện hữu, giai đoạn đến năm 2030 quy hoạch nghĩa trang tập trung tại khu vực gần trung tâm xã, quy mô khoảng 11,0 ha để đáp ứng nhu cầu chôn cất của người dân.

- Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang.

### *12.6. Định hướng thủy lợi*

Tiếp tục Cứng hoá và mở mới các tuyến kênh mương thủy lợi, đầu tư nâng cấp các đập để bổ sung nước tưới cho khu vực thiếu nước. Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh theo tiêu chí nông thôn mới, đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp toàn xã và tiêu thoát lũ vào mùa mưa.

## **13. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn**

### *13.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư*

- Cần tập trung ưu tiên cho các chương trình, dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; các dự án có thể mạnh, động lực, tiềm năng cho phát triển kinh tế của địa phương.

- Căn cứ vào tình hình phát triển thực tế, kế hoạch trung hạn, dài hạn để xem xét bố trí danh mục đầu tư dự án.

- Khuyến khích huy động nguồn lực từ tư nhân, nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư theo các chính sách thông thoáng nhiều ưu đãi.

*(Chi tiết Danh mục các dự án đầu tư và phân kỳ thực hiện được thể hiện trong thuyết minh đồ án được duyệt).*

### *13.2. Các nguồn lực thực hiện*

- Nguồn lực ngân sách nhà nước.
- Nguồn lực huy động nhân dân và doanh nghiệp, nhà đầu tư.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **14. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xã Ma Nổi**

### *14.1. Tiến độ thực hiện*

#### **- Giai đoạn 2023 - 2025:**

+ Hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.

+ Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

+ Tính đến cuối năm 2023, xã Ma Nới mới đạt được 11/19 tiêu chí về nông thôn mới. Còn lại 08/19 tiêu chí chưa đạt. Tập trung nguồn lực thực hiện hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2025 xã Ma Nới được công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới.

- **Giai đoạn 2026 - 2030:** Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối. Thu hút đầu tư xây dựng các dự án của xã như thương mại dịch vụ, ...những dự án của tỉnh, của địa phương. Để tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế cho người dân. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình, các dự án phát triển kinh tế của địa phương (hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật) theo hướng phát triển bền vững. Nâng cao cuộc sống của người dân.

#### 14.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 được phê duyệt, UBND xã Ma Nới tổ chức công bố và phổ biến phương án quy hoạch cho tất cả cán bộ, nhân dân trong xã và các nhà đầu tư.

- Tăng cường sự phối hợp giữa UBND huyện và các phòng ban chức năng, UBND tỉnh và các Sở, ban ngành với UBND xã để phối hợp trong chỉ đạo điều hành thực thi quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế của xã giai đoạn 2021-2030. Triển khai quy hoạch qua các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã đạt được và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền nhân dân hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt các tiêu chí xã nông thôn mới.

#### 15. Hồ sơ và chất lượng sản phẩm

Thành phần hồ sơ và chất lượng hồ sơ đồ án quy hoạch đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

#### 16. Tổng dự toán kinh phí lập quy hoạch

- Kinh phí lập đồ án quy hoạch được xác định theo định mức chi phí tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Chi phí lập quy hoạch sau khi thẩm định là: **245.195.080 đồng**

(Hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm

tám mươi đồng).

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định)

**17.** Ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chung Xây dựng xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn là bảng Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Ma Nới.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân xã Ma Nới) có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, để toàn thể nhân dân được biết và thực hiện.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng nội dung tại Điều 1 của Quyết định này và theo các quy định hiện hành của nhà nước, của các Bộ ngành liên quan về quản lý quy hoạch xây dựng.

- Gửi kèm Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch cùng với 01 bộ bản vẽ và thuyết minh đồ án quy hoạch, file mềm (có nội dung Bản vẽ, thuyết minh) đến Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lưu và phối hợp triển khai thực hiện đồ án quy hoạch sau này được thuận lợi.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới, xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận .

Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng, Giám đốc kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ma Nới; Giám đốc Trung tâm Quy hoạch Kiểm định Chất lượng xây dựng Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chủ đầu tư (03 bộ);
- Trang thông tin điện tử huyện Ninh Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Kiều Tấn Thịnh**